

KT3-0130AKL3/1

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

10/02/2023
Trang/ Page
01/02

1. Phương tiện đo/ Object: **QUẢ CÂN**
WEIGHT
2. Nhà sản xuất/ MFR: N/A
3. Kiểu/ Type: Không hốc điều chỉnh SN: 8044 ID: N/A
Non adjusting cavity
4. Đặc trưng kỹ thuật: Khối lượng danh nghĩa/ Nominal mass: 200 g
Specifications Số lượng quả/ Quantity of weights: 01 quả
Vật liệu/ Material: Thép không gỉ/ Stainless steel
5. Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**
Customer 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang
6. Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**
Place of Calibration 7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
7. Phương pháp hiệu chuẩn: QTHC/ KT3 20:2022
Method of Calibration Weights of accuracy class E2, F1, F2 & M - Calibration Procedure

8. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

ID	Description	Traceable to	Cal. Date	Due Date
KL1112	Standard Weights E2	LNE-FRANCE	06/2022	06/2024

9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment: [23,0 ± 0,5] °C [50 ± 5] %RH [1000 ± 10] hPa
10. Hiệu chỉnh/ Adjustment: Không / No
11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration: 09/02/2023
12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label: KT3-0130AKL3/1
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 09/02/2024
Recalibration Date as request of Customer

TL. TRƯỞNG PDL KHỐI LƯỢNG
PP. HEAD OF MASS MEASUREMENT LAB.



Trương Nguyễn Phương Thảo

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
HEAD OF LAB.



Nguyễn Tấn Tùng

KT3-0130AKL3/1

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

10/02/2023

Trang/ Page

02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration

Khối lượng danh nghĩa, <i>Nominal mass</i>	Khối lượng qui ước, <i>Conventional mass</i>	Sai lệch, <i>Difference</i> mg	Độ KĐBĐ, <i>Uncertainty</i> mg	Cấp chính xác, <i>Accuracy Class</i>
200 g	200,00043 g	0,43	0,30	F1

15. Thông tin khác/ Other Informations

a. Các giá trị có đơn vị không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above document.

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7 only.

c. Phương tiện đo được hiệu chuẩn bằng cách so sánh trực tiếp với các chuẩn của Trung tâm Kỹ thuật 3 được nêu tại mục 8.

The equipment under calibration was calibrated by direct comparison with standards of Quatest 3 as description at Item 8.

d. Cấp chính xác được xác định theo mục 5, OIML R 111:2004.

Accuracy class is determined according to Item 5, OIML R 111:2004

KT3-0130AKL3/2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

10/02/2023

Trang/ Page

01/02

- Phương tiện đo/ Object: QUẢ CÂN
WEIGHT
- Nhà sản xuất/ MFR: N/A
- Kiểu/ Type: Không hốc điều chỉnh SN: 8043 ID: N/A
Non adjusting cavity
- Đặc trưng kỹ thuật: Khối lượng danh nghĩa/ Nominal mass: 200 g
Specifications Số lượng quả/ Quantity of weights: 01 quả
Vật liệu/ Material: Thép không gỉ/ Stainless steel
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
Customer 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang
- Nơi hiệu chuẩn: TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3
Place of Calibration 7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- Phương pháp hiệu chuẩn: QTHC/ KT3 20:2022
Method of Calibration Weights of accuracy class E2, F1, F2 & M - Calibration Procedure
- Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

ID	Description	Traceable to	Cal. Date	Due Date
KL1112	Standard Weights E2	LNE-FRANCE	06/2022	06/2024

- Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment: [23,0 ± 0,5] °C [50 ± 5] %RH [1000 ± 10] hPa
- Hiệu chỉnh/ Adjustment: Không / No
- Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration: 09/02/2023
- Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label: KT3-0130AKL3/2
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 09/02/2024
Recalibration Date as request of Customer

TL. TRƯỞNG PDL KHỐI LƯỢNG
PP. HEAD OF MASS MEASUREMENT LAB.



Trương Nguyễn Phương Thảo

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
HEAD OF LAB.



Nguyễn Tấn Tùng

KT3-0130AKL3/2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

10/02/2023
Trang/ Page
02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration

Khối lượng danh nghĩa, <i>Nominal mass</i>	Khối lượng qui ước, <i>Conventional mass</i>	Sai lệch, <i>Difference</i> mg	Độ KĐBĐ, <i>Uncertainty</i> mg	Cấp chính xác, <i>Accuracy Class</i>
200 g	200,00031 g	0,31	0,30	F1

15. Thông tin khác/ Other Informations

a. Các giá trị có đơn vị không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above document.

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7 only.

c. Phương tiện đo được hiệu chuẩn bằng cách so sánh trực tiếp với các chuẩn của Trung tâm Kỹ thuật 3 được nêu tại mục 8.

The equipment under calibration was calibrated by direct comparison with standards of Quatest 3 as description at Item 8.

d. Cấp chính xác được xác định theo mục 5, OIML R 111:2004.

Accuracy class is determined according to Item 5, OIML R 111:2004

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration

N/A: không áp dụng.
Not applicable

KT3-0130AKL3/3

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

10/02/2023

Trang/ Page

01/02

1. Phương tiện đo/ Object : QUẢ CÂN
WEIGHT
2. Nhà sản xuất/ MFR : N/A
3. Kiểu/ Type : Không hốc điều chỉnh SN: 8045 ID: N/A
Non adjusting cavity
4. Đặc trưng kỹ thuật: Khối lượng danh nghĩa/ Nominal mass : 200 g
Specifications Số lượng quả/ Quantity of weights : 01 quả
Vật liệu/ Material : Thép không gỉ/ Stainless steel
5. Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
Customer 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang
6. Nơi hiệu chuẩn: TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3
Place of Calibration 7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
7. Phương pháp hiệu chuẩn: QTHC/ KT3 20:2022
Method of Calibration Weights of accuracy class E2, F1, F2 & M - Calibration Procedure
8. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

ID	Description	Traceable to	Cal. Date	Due Date
KL1112	Standard Weights E2	LNE-FRANCE	06/2022	06/2024

9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment : [23,0 ± 0,5] °C [50 ± 5] %RH [1000 ± 10] hPa
10. Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không / No
11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration : 09/02/2023
12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label : KT3-0130AKL3/3
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 09/02/2024

Recalibration Date as request of Customer

TL. TRƯỞNG PDL KHỐI LƯỢNG
PP. HEAD OF MASS MEASUREMENT LAB.



Trương Nguyễn Phương Thảo

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
HEAD OF LAB.



Nguyễn Tấn Tùng

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration

N/A: không áp dụng.
Not applicable

KT3-0130AKL3/3

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

10/02/2023
Trang/ Page
02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration

Khối lượng danh nghĩa, <i>Nominal mass</i>	Khối lượng qui ước, <i>Conventional mass</i>	Sai lệch, <i>Difference</i> mg	Độ KĐBĐ, <i>Uncertainty</i> mg	Cấp chính xác, <i>Accuracy Class</i>
200 g	200,00038 g	0,38	0,30	F1

15. Thông tin khác/ Other Informations

a. Các giá trị có đơn vị không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above document.

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7 only.

c. Phương tiện đo được hiệu chuẩn bằng cách so sánh trực tiếp với các chuẩn của Trung tâm Kỹ thuật 3 được nêu tại mục 8.

The equipment under calibration was calibrated by direct comparison with standards of Quatest 3 as description at Item 8.

d. Cấp chính xác được xác định theo mục 5, OIML R 111:2004.

Accuracy class is determined according to Item 5, OIML R 111:2004

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration

N/A: không áp dụng.
Not applicable